

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- E-mail: info@hungthincons.com.vn

TRƯỜNG VĂN VIỆT

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2025/KDTM-PT
Ngày: 26/5/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Thy Thơ

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 4, ngày 19 và ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 277/2024/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 70/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 692/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2980/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 4251/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5118/2025/QĐ-PT, ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội; Trụ sở: Xóm Cổ Thổ, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Văn phòng đại diện: KM 14, Quốc lộ 6, Ba La, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Khang, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Mùi, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 2010/VBUQ ngày 21/5/2024) - Có mặt ngày 21/4/2025 và ngày 19/5/2025, vắng mặt ngày 26/5/2025

Bị đơn: Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons; Trụ sở: Số 53, Đường Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, bà Nguyễn Thới Phương Thanh; Cùng địa chỉ: Số 191 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/4/2024) - Có mặt

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội, Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 05/10/2023, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện lần 2 đề ngày 16/10/2023 và lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội có ông Nguyễn Văn Khang và ông Trần Văn Hải là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội (gọi tắt là Công ty Hà Nội) và Công ty Cổ phần Hưng Thịnh INCONS (gọi tắt là Công ty Hưng Thịnh) có ký kết với nhau 04 Hợp đồng mua bán và tiến hành mua bán với nhau 04 chuyển hàng như sau:

- Ngày 01/3/2022, ký Hợp đồng nguyên tắc số 0192/2022/HĐNT/HTI-TMHN về việc “*cung cấp thép xây dựng cho công trình, dự án: Khu căn hộ thương mại Đại Phú tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 09/6/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00001103, giá trị hàng hóa là 1.826.689.260 đồng.

- Ngày 01/3/2022, ký Hợp đồng nguyên tắc số 0233/2022/HĐNT/HTI-TMHN về việc “*cung cấp thép xây dựng cho công trình, dự án: Khu Thương mại, dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 16/6/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00001256, giá trị hàng hóa là 1.724.262.705 đồng.

- Ngày 23/4/2020, ký Hợp đồng nguyên tắc số 0147/2020/HĐNT/HTI-HN về việc cung cấp thép thực hiện gói thầu “*cung cấp thép xây dựng các loại cho công trình: Căn hộ du lịch nghỉ dưỡng tại đường Thi Sách, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu*”; Phụ lục Hợp đồng số 0147/2020/HĐNT/HTI-HN/PL01 ngày 20/4/2021. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 22/6/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00001435, giá trị hàng hóa là 2.271.169.274 đồng.

- Ngày 01/7/2022, ký Hợp đồng nguyên tắc số 0577/2022/HĐNT/HTI-TMHN về việc cung cấp thép thực hiện gói thầu “*cung cấp thép xây dựng cho công trình: Đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ NEW GALAXY Nha Trang địa điểm Lô HH-A, Khu đô thị Biển An Viên, phường Vĩnh nguyên và phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 20/7/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00002242, giá trị hàng hóa là 293.332.325 đồng.

Tổng giá trị hàng hóa Công ty Hưng Thịnh đã mua của Công ty Hà Nội là 6.115.453.564 đồng. Công ty Hà Nội đã giao đầy đủ hàng hóa đúng chất lượng, thời gian và hồ sơ thanh toán kèm theo cho Công ty Hưng Thịnh.

Ngày 30/11/2022, hai bên đã ký Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó, Công ty Hưng Thịnh đã xác nhận còn nợ Công ty Hà Nội số tiền 6.115.453.564 đồng.

Từ ngày mua hàng đến ngày khởi kiện, mặc dù Công ty Hà Nội đã đơn đốc, gửi công văn nhiều lần cho Công ty Hưng Thịnh nhưng Công ty Hưng Thịnh vẫn chưa thanh toán cho Công ty Hà Nội bất kỳ khoản tiền nào. Vì vậy Công ty Hà Nội yêu cầu Tòa buộc Công ty Hưng Thịnh phải trả Công ty Hà Nội số tiền như sau:

Nội dung nợ	Số tiền nợ
- Số tiền gốc còn nợ phải trả là:	6.115.453.564 đồng
- Số tiền lãi phát sinh từ các đơn hàng tạm tính đến ngày 20/9/2023 là:	903.014.404 đồng
Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng.	489.236.285 đồng
- Tổng số tiền gốc, lãi và phạt do vi phạm hợp đồng tạm tính đến ngày 20/9/2023 là:	7.507.704.253 đồng

(Quá trình mua bán, thanh toán và tính lãi được thể hiện tại bản “Xác nhận nợ gốc, lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng” đính kèm).

Theo Thỏa thuận tại Hợp đồng và các quy định pháp luật có liên quan, ngoài số tiền nợ gốc, Công ty Hưng Thịnh còn phải trả cho Công ty Hà Nội tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán (tạm tính là 13,5%/năm) và tiền phạt do vi phạm hợp đồng (không quá 8% giá trị vi phạm).

Sau khi gửi đơn kiện, Công ty Hưng Thịnh đã trả cho Công ty Hà Nội số tiền nợ gốc như sau: ngày 12/10/2023 trả 2.000.000.000 đồng, ngày 13/10/2023 trả 2.217.741.661 đồng, ngày 12/01/2024 trả 100.000.000 đồng, ngày 01/02/2024 trả 100.000.000 đồng, ngày 05/02/2024 trả 173.449.198 đồng, ngày 06/02/2024 trả 100.000.000 đồng. Tổng số đã trả 4.691.190.859 đồng. Công ty Hà Nội đã sửa đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Hưng Thịnh phải trả như sau:

Nội dung nợ	Số tiền nợ
- Số tiền gốc còn nợ phải trả là:	1.424.262.705 đồng
- Số tiền lãi phát sinh từ các đơn hàng tạm tính đến ngày 15/5/2024 là:	1.086.695.246 đồng

Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng.	489.236.285 đồng
- Tổng số tiền gốc, lãi và phạt do vi phạm hợp đồng tạm tính là:	3.000.194.236 đồng

Công ty Hà Nội yêu cầu Tòa buộc Công ty Hưng Thịnh trả cho Công ty Hà Nội số tiền 3.000.194.236 đồng nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp trên nợ gốc từ ngày 16/5/2024 cho đến khi thanh toán hết.

Bị đơn Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons có bà Nguyễn Thới Phương Thanh là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại biên bản hòa giải ngày 21/5/2024 như sau: xác nhận Bị đơn có ký kết với Nguyên đơn 04 hợp đồng gồm: Ngày 23/4/2020, Hợp đồng nguyên tắc số 0147/2020/HĐNT/HTI-TMHN; ngày 01/3/2022, Hợp đồng nguyên tắc số 0192/2022/HĐNT/HTI-TMHN và Hợp đồng nguyên tắc số 0293/2022/HĐNT/HTI-TMHN; ngày 01/7/2022, Hợp đồng nguyên tắc số 0577/2022/HĐNT/HTI-TMHN.

Hiện tại công nợ của Bị đơn với Nguyên đơn chưa được Phòng kế toán của Công ty cung cấp đủ số liệu nên bà Phương chưa có số liệu công nợ chính xác để đối chiếu với công nợ hiện tại của Nguyên đơn, do đó chưa thể đưa ra phương án thanh toán phù hợp theo yêu cầu của Nguyên đơn được. Sẽ bổ sung số liệu công nợ, các chứng từ liên quan cho Tòa án sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người đại diện nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc bị đơn Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons phải thanh toán làm một lần cho Nguyên đơn tổng số tiền 3.072.890.165 đồng, trong đó nợ gốc là 1.424.262.705 đồng; nợ lãi phát sinh (căn cứ từ các đợt Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn đến ngày 30/9/2024 với lãi suất 13,5%/năm, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại), với số tiền là 1.159.391.175 đồng; phạt vi phạm hợp đồng (tính theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng là không quá 8% giá trị vi phạm) với số tiền là 489.236.285 đồng. Yêu cầu Bị đơn vẫn phải thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử.

- *Người đại diện bị đơn trình bày:* Không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đưa ra do Nguyên đơn chưa cung cấp cho Bị đơn toàn bộ hồ sơ đề nghị thanh toán như: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc/hoàn thành Đơn hàng/Phiếu đề xuất có xác nhận của người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp hai bên, theo quy định tại Điều 4 của các Hợp đồng nguyên tắc. Việc Bị đơn ký đối chiếu công nợ với Nguyên đơn là căn cứ trên 4 hóa đơn giá trị gia tăng mà Nguyên đơn đã xuất cho Bị đơn. Chính vì vậy mà biên bản đối chiếu công nợ không có thỏa thuận ngày thanh toán toàn bộ số nợ trên.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định những nội dung chính như sau:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons phải trả làm một lần cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội số tiền 1.630.722.191 đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền gốc là 1.424.262.705 đồng, tiền lãi là 206.459.486 đồng.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội về phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 489.236.285 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 15/10/2024, Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội gửi đơn kháng cáo qua đường bưu điện có nội dung: kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm trả phát sinh từ các hợp đồng. Lý do kháng cáo là Tòa án dựa trên những nhận định không đúng thực tế khách quan của vụ việc. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 11/10/2024, Công ty Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons nộp đơn kháng cáo: nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không áp dụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về đánh giá chứng cứ, thu thập chứng cứ, xem xét đầy đủ các yêu cầu của Bị đơn, ban hành bản án gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

Đại diện người kháng cáo Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội trình bày những nội dung kháng cáo:

- Vi phạm kháng cáo của nguyên đơn: Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân Quận 3 xét xử và tuyên án với nội dung “1/ Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả làm một lần cho nguyên đơn số tiền 2.904.265.395 đồng, trong đó tiền gốc là 1.424.262.705 đồng, tiền lãi là 990.766.405 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 489.236.285 đồng; 2/ Không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi 168.624.770 đồng (...)”. Tuy nhiên, tại bản án phát hành lại có nội dung: “1/ Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả làm một lần cho nguyên đơn số tiền 1.630.722.191 đồng, trong đó tiền gốc là 1.424.262.705 đồng, tiền lãi là 206.459.486 đồng; 2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 489.236.285 đồng

(...)”. Do căn cứ theo nội dung tuyên án nêu trong đơn kháng cáo nguyên đơn chỉ kháng cáo đối với phần không được chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu xem xét giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với những căn cứ như sau:

- Bị đơn đã phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 4 các Hợp đồng là: “*Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị nghiệm thu của đợt hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày kế toán Bên A nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ*”. Về chứng cứ thì nguyên đơn khẳng định đã giao đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho kế toán bị đơn nhưng không được ký xác nhận, tuy nhiên việc đã giao hồ sơ còn được chứng minh qua nội dung thể hiện tại biên bản xác nhận công nợ ngày 30/11/2022 giữa các bên.

- Căn cứ thời điểm giao hồ sơ được xác định là thời điểm hoàn thành việc giao hàng, cộng thêm 60 ngày. Do vậy kể từ ngày 61 trở đi mà bị đơn không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình mà tòa án cấp sơ thẩm thu thập là 15%/năm. Do vậy nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xác định tiền lãi chậm thanh toán mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất là 15%/năm.

- Về phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 299, 300, 301 Luật Thương mại thì bị đơn phải chịu phạt theo mức phạt tối đa là 8% giá trị các đơn hàng bằng: 489.236.285 đồng là đúng quy định. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Cụ thể nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn: Tiền gốc là 1.424.262.705 đồng, tiền lãi 1.159.391.175 đồng, tiền phạt 489.236.285 đồng.

Đại diện người kháng cáo Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons trình bày: Bị đơn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm và nội dung trình bày tại đơn kháng cáo. Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì bị đơn chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán do chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như quy định tại Điều 4 của các Hợp đồng. Bị đơn khẳng định chưa nhận được hồ sơ thanh toán từ nguyên đơn, đề nghị nguyên đơn chứng minh lời trình bày về việc đã giao hồ sơ thanh toán cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là không có cơ sở nên đề nghị bác kháng cáo. Đề nghị bổ sung đối với phần yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội và Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Phạm vi xét xử phúc thẩm: căn cứ quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo của các đương sự.

[4] Tại đơn kháng cáo nguyên đơn chỉ kháng cáo 1 phần của bản án sơ thẩm cụ thể chỉ kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đề nghị xem xét lại toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được cấp sơ thẩm chấp nhận thể hiện trong bản án sơ thẩm đã phát hành với lý do phần quyết định khi tuyên đọc của Hội đồng xét xử sơ thẩm và phần quyết định trong bản án sơ thẩm khi phát hành không giống nhau. Chứng cứ để chứng minh là bản ghi âm tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn xác nhận việc ghi âm của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm chưa được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa. Do vậy, bản ghi âm để chứng minh của nguyên đơn là không được thực hiện, thu thập hợp pháp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đây là chứng cứ. Lời trình bày của nguyên đơn về nội dung này không được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử không xem xét phần kháng cáo bổ sung mới vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu của nguyên đơn, tuy nhiên do phía bị đơn đã có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử vẫn xem xét lại những phần của bản án sơ thẩm ngoài phạm vi kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thừa nhận những chứng cứ và nội dung sau đây:

[6] Nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán với nhau qua 04 hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc số 0192/2022/HĐNT/HTI-TMHN ngày 01/3/2022 về việc “*cung cấp thép xây dựng cho công trình, dự án: Khu căn hộ thương mại Đại Phú tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 09/6/2022 theo Hóa

đơn GTGT số 00001103, giá trị hàng hóa là 1.826.689.260 đồng; Hợp đồng nguyên tắc số 0233/2022/HĐNT/HTI-TMHN ngày 01/3/2022, về việc “*cung cấp thép xây dựng cho công trình, dự án: Khu Thương mại, dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 16/6/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00001256, giá trị hàng hóa là 1.724.262.705 đồng; Hợp đồng nguyên tắc số 0147/2020/HĐNT/HTI-HN ngày 23/4/2020, về việc cung cấp thép thực hiện gói thầu “*cung cấp thép xây dựng các loại cho công trình: Căn hộ du lịch nghỉ dưỡng tại đường Thi Sách, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu*”; Phụ lục Hợp đồng số 0147/2020/HĐNT/HTI-HN/PL01 ngày 20/4/2021. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 22/6/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00001435, giá trị hàng hóa là 2.271.169.274 đồng; Hợp đồng nguyên tắc số 0577/2022/HĐNT/HTI-TMHN ngày 01/7/2022, về việc cung cấp thép thực hiện gói thầu “*cung cấp thép xây dựng cho công trình: Đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ NEW GALAXY Nha Trang địa điểm Lô HH-A, Khu đô thị Biển An Viên, phường Vĩnh Nguyên và phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang*”. Sau khi ký hợp đồng, hai bên đã mua bán với nhau 01 đơn hàng ngày 20/7/2022 theo Hóa đơn GTGT số 00002242, giá trị hàng hóa là 293.332.325 đồng. Tổng giá trị hàng hóa Bị đơn đã mua của Nguyên đơn theo 04 hợp đồng là 6.115.453.564 đồng được các bên xác nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2022. Ngày 03/10/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 6.115.453.564 đồng, tiền phạt do vi phạm hợp đồng và tiền lãi do chậm thanh toán. Trong giai đoạn tòa án giải quyết vụ án thì từ ngày 12/10/2023 đến ngày 06/02/2024 bị đơn đã nhiều lần trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 4.691.190.859 đồng, còn lại 1.424.262.705 đồng nợ gốc chưa trả.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 3.072.890.165 đồng, trong đó nợ gốc là 1.424.262.705 đồng; nợ lãi phát sinh (căn cứ từ các hợp đồng và từ các đợt bị đơn thanh toán cho nguyên đơn đến ngày 30/9/2024 với lãi suất 13,5%/năm, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại), với số tiền là 1.159.391.175 đồng; phạt vi phạm hợp đồng (tính theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng là không quá 8% giá trị vi phạm) với số tiền là 489.236.285 đồng. Bị đơn xác nhận số tiền mua hàng chưa trả là 1.424.262.705 đồng nhưng chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng nên không đồng ý các yêu cầu của nguyên đơn.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và tiền phạt do vi phạm thời hạn thanh toán:

[9] Về xác định số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận số tiền nợ gốc mà bị đơn chưa thanh toán là 1.424.262.705 đồng.

[10] Về thời hạn thanh toán, tiến độ thanh toán, điều kiện thanh toán được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của 04 Hợp đồng nguyên tắc như sau: “*Bên A (Bị đơn) sẽ thanh toán cho Bên B (Nguyên đơn) 100% giá trị nghiệm thu của đợt trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày kế toán Bên A nhận được đầy đủ*

bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Hồ sơ thanh toán bao gồm: - Giấy đề nghị thanh toán (...) – Đơn đặt hàng (...) – Phiếu xuất kho/Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa (...); Bên A chỉ thanh toán cho Bên B khi (...) Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng này”. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn trình bày “do bị đơn gây khó khăn cho nguyên đơn nên vẫn chưa gửi được” bộ hồ sơ thanh toán đối với 04 hợp đồng mua bán cho Bị đơn. Trình bày tại phiên tòa phúc thẩm thì đại diện nguyên đơn khẳng định đã giao đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng cho kế toán của phía bị đơn ngay sau khi giao hàng cho bị đơn, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng không được phía bị đơn thừa nhận. Ngoài ra nguyên đơn cũng cho rằng việc đã giao đủ hồ sơ thanh toán được thể hiện qua tiêu đề “Biên bản xác nhận công nợ (các hạng mục công trình đã hoàn thành hồ sơ)” ngày 30/11/2022 nhưng cũng không được bị đơn thừa nhận với lý do biên bản này chỉ ghi nhận số liệu về công nợ đến ngày 30/11/2022, vì nguyên đơn chưa giao hồ sơ thanh toán nên trong biên bản không có nội dung nào xác định thời điểm bị đơn phải thanh toán.

[11] Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn trình bày không nhất quán tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cho rằng khi giao hồ sơ đã có yêu cầu kế toán của bị đơn ký xác nhận nhưng không được đáp ứng nên không có chứng cứ để chứng minh là không hợp lý vì theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng thì việc giao và nhận “bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ” là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối lập của các bên, cụ thể khi nguyên đơn thực hiện xong nghĩa vụ giao hồ sơ thì sẽ phát sinh quyền yêu cầu bị đơn thanh toán tiền, ngược lại khi bị đơn đã nhận hồ sơ thì sẽ phát sinh thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền và đây là căn cứ để xác định thời điểm 60 ngày bắt đầu và kết thúc thời hạn thanh toán cũng là căn cứ để xác định thời điểm vi phạm thời hạn thanh toán của bị đơn nếu bị đơn chậm thanh toán tiền. Vì vậy, việc nguyên đơn trình bày đã giao “bộ hồ sơ thanh toán” mà không buộc bị đơn ký xác nhận là điều bất hợp lý nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của nguyên đơn. Biên bản xác nhận công nợ lập ngày 30/11/2022 là sau thời điểm mà nguyên đơn cho rằng đã bàn giao đủ hồ sơ thanh toán cho bị đơn, nhưng trong biên bản cũng chỉ có nội dung ghi nhận tổng số tiền chưa thanh toán của các hợp đồng là 6.115.453.564 đồng mà không có nội dung ghi nhận về thời điểm bị đơn phải thanh toán số tiền này nên không thể chứng minh cho việc bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán như nguyên đơn lập luận. Nguyên đơn đưa ra yêu cầu bị đơn chịu phạt do vi phạm thời hạn thanh toán nhưng lại không có chứng cứ chứng minh cụ thể để xác định thời điểm vi phạm thời hạn thanh toán là khi nào. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tại hồ sơ và quy định tại khoản 2 Điều 9 của 04 Hợp đồng để xác định bị đơn chưa vi phạm thời hạn thanh toán tiền mua hàng theo các hợp đồng đã ký với nguyên đơn. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu phạt hợp đồng do vi phạm thời hạn thanh toán với số tiền 489.236.285 đồng là phù hợp. Kháng cáo của nguyên đơn đối với phần quyết định này không được chấp nhận.

[12] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với toàn bộ số tiền mua hàng của 04 hợp đồng:

[13] Như đã nhận định tại đoạn [11], do nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ giao hồ sơ thanh toán nên bị đơn chưa vi phạm thời hạn thanh toán đối với các khoản tiền mua hàng phát sinh từ 04 hợp đồng là 6.115.453.564 đồng. Cấp sơ thẩm đã nhận định “*Mặc dù Nguyên đơn chưa gửi hồ sơ thanh toán cho Bị đơn theo quy định tại Điều 4 của các Hợp đồng nguyên tắc tuy nhiên bắt đầu từ ngày 12/10/2023, Bị đơn đã tiến hành thanh toán tiền hàng cho Nguyên đơn lần lượt cho đến ngày 06/02/2024 với tổng số tiền là 4.691.190.859 đồng. Như vậy, Bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận ngày 12/10/2023 chính là ngày phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu theo biên bản đối chiếu công nợ như hai bên đã ký kết mà không cần Nguyên đơn phải gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Do đó, cần xác định thời gian tính lãi chậm thanh toán là kể từ ngày 13/10/2023*” là không phù hợp với ý chí và thỏa thuận của các bên thể hiện tại hợp đồng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Nhận định này của cấp sơ thẩm là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự “*(...) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*”. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn vẫn căn cứ quy định của Hợp đồng để cho rằng nguyên đơn chưa giao đủ hồ sơ quyết toán cho bị đơn nên bị đơn chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản tiền mua hàng. Như vậy, việc bị đơn có chủ động thanh toán 1 phần tiền nợ gốc cho nguyên đơn là hành động thiện chí của bị đơn trong giải quyết tranh chấp, không phải là sự thừa nhận về thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán như nhận định của cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đã xác định “*thời gian tính lãi chậm thanh toán là kể từ ngày 13/10/2023*” và tuyên buộc bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm trả với tổng số tiền 206.459.486 đồng là không đủ căn cứ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán với tổng số tiền 1.159.391.175 đồng là không có cơ sở nên kháng cáo về phần nội dung này không được chấp nhận.

[14] Xét kháng cáo của bị đơn đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi: Như nhận định tại đoạn [11] và [13], bị đơn không vi phạm thời hạn thanh toán đối với toàn bộ khoản tiền mua hàng của nguyên đơn nên kháng cáo của bị đơn đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi với số tiền 206.459.486 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa phần quyết định này của bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền mua hàng của bị đơn.

[15] Xét kháng cáo của bị đơn về việc chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại:

[16] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại quy định: “*1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”. Xác định,

nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng của bị đơn đã phát sinh kể từ thời điểm bị đơn nhận hàng.

[17] Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng của bị đơn phát sinh đã lâu, nguyên đơn đã chủ động khởi kiện để yêu cầu thanh toán, trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn chỉ lấy lý do thời điểm thanh toán chưa phát sinh do bị đơn chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán từ nguyên đơn nhưng không đưa ra yêu cầu phản tố để buộc nguyên đơn phải giao bộ hồ sơ thanh toán là cố tình trì hoãn thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng, gây bất lợi cho phía nguyên đơn. Do vậy cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự “3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực” để buộc bị đơn phải thanh toán dứt điểm cho nguyên đơn số tiền mua hàng là 1.424.262.705 đồng để chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên phát sinh các hợp đồng. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải số tiền mua hàng 1.424.262.705 đồng là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn đối với phần quyết định này không được chấp nhận.

[18] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy các nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ chịu lãi suất là có cơ sở nên được chấp nhận, kháng cáo đối với nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng là không được chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét lại về nghĩa vụ chịu án phí của nguyên đơn đối với phần yêu cầu về lãi suất không được chấp nhận là có cơ sở nên chấp nhận.

[19] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Nguyên đơn và Bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Do sửa bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

- Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi 1.159.391.175 đồng và tiền phạt là 489.236.285 đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm là 61.458.824 đồng.

- Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.424.262.705 đồng nên phải chịu án phí sơ thẩm là 54.727.882 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons. Sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội:

Buộc bị đơn Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons phải trả làm một lần cho nguyên đơn Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội số tiền gốc là 1.424.262.705 đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội về yêu cầu Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 489.236.285 đồng và trả tiền lãi với số tiền 1.159.391.175 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons phải chịu 54.727.882 đồng.

- Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội phải chịu 61.458.824 đồng. Nhưng được tính căn trừ vào số tiền 49.433.518 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002306 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội còn phải nộp thêm số tiền 12.025.306 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0059025 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty cổ phần Hưng Thịnh Incons số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0040721 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Ngô Thanh Nhân



